

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES<sup>®</sup>)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



Mang tri thức phục vụ khách hàng

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt  
(VIETVALUES<sup>®</sup>)

Công ty Thành viên của Reanda International

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 31

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre sau đây gọi tắt là “Công ty”, tiền thân là doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hoá và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300113091 (số cũ 5504000011) đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, thay đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 03 năm 2010. Theo quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2014 và quyết định điều chỉnh số 2701/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre Công ty đã thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và tiến hành cổ phần hóa. Ngày 29 tháng 01 năm 2015 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là công ty cổ phần và thay đổi lần 4 ngày 25 tháng 05 năm 2016.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp bổ sung Giấy CNĐKKD lần 4 ngày 25/05/2016, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Ngọc Triệu.

Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng (ba mươi sáu tỷ đồng).

### 2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.  
Điện thoại : +84 (75) 3826 358  
Fax : +84 (75) 3817 770  
Mã số thuế : 1 3 0 0 1 1 3 0 9 1

### 3. Ngành nghề hoạt động

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Tái chế phế liệu phi kim loại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác;
- Xây dựng nhà dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.

#### **4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

##### **4.1 Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Thành viên
Ông Lê Văn Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Ngô Trung Kiên	Thành viên

##### **4.2 Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>	<b>Ngày miễn nhiệm</b>
Ông Trịnh Văn Đẩu	Trưởng ban	27/04/2016	
Ông Phạm An Huy	Trưởng ban		27/04/2016
Ông Phạm An Huy	Thành viên	27/04/2016	
Ông Nguyễn Hữu Thuần	Thành viên	27/04/2016	
Ông Tăng Văn Đồng	Thành viên		27/04/2016
Bà Đoàn Thị Thanh	Thành viên		27/04/2016

#### 4.3 Ban điều hành, quản lý

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Trung Kiên	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Phó Tổng giám đốc	
Ông Lê Văn Vũ	Phó Tổng giám đốc	15/10/2016
Bà Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	15/10/2016

#### 5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch HĐQT	25/05/2016	
Ông Ngô Trung Kiên	Tổng Giám đốc		25/05/2016

#### 6 Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 31.

#### 7 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

#### 9 Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.


Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

## 10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**



**NGUYỄN NGỌC TRIỆU**

**Chủ tịch**

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2017.

5/5  
TU  
1/5

Số: 2122/17/BCKT/AUD-VIETVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập tại ngày 20 tháng 03 năm 2017, từ trang 08 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017.*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES**



---

**Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1512-2013-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

---

**Trần Văn Hiệp – Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2141-2013-071-1

### Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>42.767.556.143</b>	<b>37.875.252.918</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>9.620.207.987</b>	<b>16.659.066.540</b>
111	1. Tiền		1.334.536.288	16.659.066.540
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.285.671.699	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>26.554.419.789</b>	<b>20.342.870.328</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	27.638.970.789	21.640.203.231
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	497.368.580	172.305.053
137	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.4	(1.581.919.580)	(1.469.637.956)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.5	<b>6.291.523.161</b>	<b>580.050.441</b>
141	1. Hàng tồn kho		6.291.523.161	580.050.441
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>301.405.206</b>	<b>293.265.609</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	301.187.436	293.265.609
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		217.770	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>10.968.401.903</b>	<b>13.772.928.895</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>7.860.353.932</b>	<b>8.465.835.560</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	7.860.353.932	8.465.835.560
222	- Nguyên giá		19.074.518.640	17.435.491.368
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.214.164.708)	(8.969.655.808)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>160.827.965</b>	<b>22.058.827</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	160.827.965	22.058.827
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.947.220.006</b>	<b>5.285.034.508</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	2.947.220.006	5.285.034.508
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>53.735.958.046</b>	<b>51.648.181.813</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP.Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>11.987.929.820</b>	<b>11.412.020.700</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>11.987.929.820</b>	<b>11.412.020.700</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	2.495.234.843	2.092.169.964
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	2.191.440.909	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	2.105.045.990	4.131.047.476
314	4. Phải trả người lao động	V.12	3.222.097.945	3.597.583.081
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	636.653.412	4.160.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		36.335.753	31.393.275
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.14	1.301.120.968	1.555.666.904
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>41.748.028.226</b>	<b>40.236.161.113</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.15	<b>41.427.344.995</b>	<b>39.869.665.998</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		36.000.000.000	36.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		36.000.000.000	36.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.828.741.470	900.945.819
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.598.603.525	2.968.720.179
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		41.920.179	(10.479.000)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.556.683.346	2.979.199.179
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>320.683.231</b>	<b>366.495.115</b>
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	V.16	320.683.231	366.495.115
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>53.735.958.046</b>	<b>51.648.181.813</b>

Người lập biểu

NGUYỄN NGỌC BÍCH TRÂM

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ VÂN NGHI



Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc

NGÔ TRUNG KIÊN

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	12 tháng năm 2016	11 tháng năm 2015
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	55.697.419.224	47.921.453.837
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.697.419.224	47.921.453.837
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	41.595.506.555	34.132.658.525
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.101.912.669	13.788.795.312
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	362.786.816	30.992.050
22	7. Chi phí tài chính		-	1.897.586
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	7.541.807.455	8.099.124.101
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.922.892.030	5.718.765.675
31	11. Thu nhập khác		3.743.750	387.648.021
32	12. Chi phí khác		-	185.924.169
40	13. Lợi nhuận khác		3.743.750	201.723.852
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.926.635.780	5.920.489.527
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		1.432.928.795	1.364.635.165
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.493.706.985	4.555.854.362
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.5a	1.246	1.078
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.5b	1.246	1.078

Người lập biểu



NGUYỄN NGỌC BÍCH TRÂM

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ VÂN NGHI

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2017



NGÔ TRUNG KIÊN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

DVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	12 tháng năm 2016	11 tháng năm 2015
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		55.437.048.931	52.671.081.722
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(35.084.026.943)	(19.176.629.517)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(14.786.626.873)	(12.794.017.337)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.432.672.411)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.738.094.026	3.682.678.751
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.568.865.689)	(10.323.386.179)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(2.697.048.959)</b>	<b>14.059.727.440</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.777.796.410)	(22.058.827)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		362.786.816	30.992.050
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.415.009.594)</b>	<b>8.933.223</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.926.800.000)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(2.926.800.000)</b>	<b>-</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>(7.038.858.553)</b>	<b>14.068.660.663</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>16.659.066.540</b>	<b>2.590.405.877</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>V.1</b>	<b>9.620.207.987</b>	<b>16.659.066.540</b>

Người lập biểu

NGUYỄN NGỌC BÍCH TRÂM

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ VÂN NGHI

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



NGÔ TRUNG KIÊN

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Thu gom, xử lý và tiêu hủy các loại chất thải;
- Chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Xây dựng các công trình công ích và dân dụng.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.

#### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu “11 tháng năm 2015” là số liệu của 11 tháng nên không có tính so sánh với số liệu “12 tháng năm 2016” trên Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ. Do đó số liệu so sánh chỉ mang tính chất tham khảo.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 174 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 174 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo đó, Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng (có thời hạn gốc không quá ba tháng), dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho của hoạt động xây lắp và các loại hàng tồn kho khác được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

### **Lợi thế kinh doanh**

Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định lại theo biên bản xác định lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm thay đổi loại hình doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

## **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	06

## **7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



## 8. **Vốn chủ sở hữu**

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## 9. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 10. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ: chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh, duy tu cầu đường, vệ sinh đô thị*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Doanh thu xây dựng: công trình xây dựng cơ bản, công trình chiếu sáng, công trình cây xanh*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **11. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của tài sản phục vụ việc cung cấp các dịch vụ công ích, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

### **12. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính.

### **13. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

### **14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

#### **- Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

#### **- Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	118.721.679	416.817.835
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.215.814.609	16.242.248.705
Các khoản tương đương tiền	8.285.671.699	-
<b>Cộng</b>	<b><u>9.620.207.987</u></b>	<b><u>16.659.066.540</u></b>

**1.1 Các khoản tương đương tiền**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	6.006.857.021	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	2.278.814.678	-
<b>Cộng</b>	<b><u>8.285.671.699</u></b>	<b><u>-</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>27.638.970.789</b>	<b>21.640.203.231</b>
- Phòng quản lý đô thị Thành phố Bến Tre	11.217.264.609	9.225.225.475
- Công ty Cổ phần CT&TM Giao Thông Vận Tải	2.989.954.700	2.989.954.700
- Ban Quản lý đầu tư xây dựng huyện Chợ Lách	1.985.295.000	2.415.295.000
- BQL,DA Đầu tư Xây dựng công trình giao thông Bến Tre (theo ủy quyền của Công ty MISECO)	1.773.176.000	-
- BQL các DA CTGT Long An	1.471.569.601	973.120.278
- Các đối tượng khác	8.201.710.879	6.036.607.778
<b>Cộng</b>	<b><u>27.638.970.789</u></b>	<b><u>21.640.203.231</u></b>

121  
ÔN  
NHÌ  
OÁN  
UÃ  
TP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	497.368.580	-	138.908.053	-
- Tạm ứng	245.810.740	-	93.697.153	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	188.000.000	-	35.067.600	-
- Các đối tượng khác	63.557.840	-	43.540.300	-
<b>Cộng</b>	<b>497.368.580</b>	<b>-</b>	<b>172.305.053</b>	<b>-</b>

**4. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Nợ xấu	Giá trị có thể thu hồi	Nợ xấu	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		1.581.919.580	-	1.581.919.580	112.281.624
- Ban Quản lý đầu tư xây dựng huyện Chợ Lách	Trên 3 năm	1.207.647.500	-	Từ 2 đến 3 năm	1.207.647.500
- Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông Bến Tre	Trên 3 năm	374.272.080	-	Từ 1 đến 2 năm	374.272.080
<b>Cộng</b>		<b>1.581.919.580</b>	<b>-</b>	<b>1.581.919.580</b>	<b>112.281.624</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	(1.469.637.956)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(112.281.624)	(1.469.637.956)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(1.581.919.580)</b>	<b>(1.469.637.956)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	201.389.086	-	295.415.028	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	6.043.245.798	-	237.747.136	-
Hàng hóa	46.888.277	-	46.888.277	-
<b>Cộng</b>	<b>6.291.523.161</b>		<b>580.050.441</b>	

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lót gạch vỉa hè Ngân hàng Công thương	179.947.930	-
- Sửa chữa đường ĐH 18 huyện Mỏ Cày Bắc	130.814.954	-
- Chiếu sáng cây xanh đường tỉnh 883 từ cầu Rạch Miễu đến ngã tư An Hóa (đoạn từ km 4+500 đến km 8+000)	5.310.657.778	-
- Trồng cây xanh đường Nguyễn Văn Nguyễn - Phạm Ngọc Thảo (khu an đường Mỹ Thạnh An)	269.819.151	-
- Các công trình khác	152.005.985	237.747.136
<b>Cộng</b>	<b>6.043.245.798</b>	<b>237.747.136</b>

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****6.a Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	301.187.436	293.265.609
<b>Cộng</b>	<b>301.187.436</b>	<b>293.265.609</b>

**6.b Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị lợi thế kinh doanh	2.449.757.076	4.711.071.313
Chi phí trả trước dài hạn khác	497.462.930	573.963.195
<b>Cộng</b>	<b>2.947.220.006</b>	<b>5.285.034.508</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	5.659.141.338	2.243.785.722	9.456.452.313	76.111.995	17.435.491.368
Tăng trong năm	-	-	1.639.027.272	-	1.639.027.272
- Mua trong năm	-	-	1.639.027.272	-	1.639.027.272
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.659.141.338</b>	<b>2.243.785.722</b>	<b>11.095.479.585</b>	<b>76.111.995</b>	<b>19.074.518.640</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	103.853.000	682.519.762	76.111.995	862.484.757
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	1.746.611.789	904.327.677	6.242.604.347	76.111.995	8.969.655.808
Khấu hao trong năm	447.861.984	271.514.846	1.525.132.070	-	2.244.508.900
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.194.473.773</b>	<b>1.175.842.523</b>	<b>7.767.736.417</b>	<b>76.111.995</b>	<b>11.214.164.708</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	3.912.529.549	1.339.458.045	3.213.847.966	-	8.465.835.560
Số cuối năm	3.464.667.565	1.067.943.199	3.327.743.168	-	7.860.353.932

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Chi phí phát		Kết chuyển vào	Kết chuyển	Số cuối năm
	Số đầu năm	sinh trong năm	TSCĐ trong năm	giảm khác	
Mua sắm tài sản cố định	6.862.727	1.647.309.545	(1.639.027.272)	-	15.145.000
Xây dựng cơ bản	15.196.100	149.222.965	-	(18.736.100)	145.682.965
<b>Cộng</b>	<b>22.058.827</b>	<b>1.796.532.510</b>	<b>(1.639.027.272)</b>	<b>(18.736.100)</b>	<b>160.827.965</b>

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	2.495.234.843	2.495.234.843	2.092.169.964	2.092.169.964
- Công ty Cổ phần đô thị Tân An	1.623.002.121	1.623.002.121	1.169.725.264	1.169.725.264
- DNTN Xây dựng Hồng Minh	470.042.000	470.042.000	770.042.000	770.042.000
- Các nhà cung cấp khác	402.190.722	402.190.722	152.402.700	152.402.700
<b>Cộng</b>	<b>2.495.234.843</b>	<b>2.495.234.843</b>	<b>2.092.169.964</b>	<b>2.092.169.964</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả cho các nhà cung cấp khác</b>	<b>2.191.440.909</b>	-
- Ban QLDA chuyên ngành GTVT	2.191.340.000	-
- Công ty TNHH Gen Nex Apparel	100.909	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.191.440.909</u></b>	<u>-</u>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT	1.768.843.764	-	1.432.016.849	2.715.326.933	485.533.680	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.304.136.244	-	1.432.928.795	2.432.672.411	304.392.628	-
- Thuế thu nhập cá nhân	8.414.877	-	61.347.540	47.301.677	22.460.740	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	23.405.770	23.623.540	-	217.770
- Thuế bảo vệ môi trường	1.049.652.591	-	243.006.351	-	1.292.658.942	-
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.131.047.476</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>3.195.705.305</u></b>	<b><u>5.221.924.561</u></b>	<b><u>2.105.045.990</u></b>	<b><u>217.770</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.926.635.780	5.920.489.527
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	238.008.193	282.397.586
+ Chi phí không được trừ	238.008.193	282.397.586
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	7.164.643.973	6.202.887.113
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay</b>	<b><u>1.432.928.795</u></b>	<b><u>1.364.635.165</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**12. Phải trả người lao động**

Quỹ lương của Công ty được thực hiện trích theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 29/06/2016 của Hội đồng quản trị Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre. Theo đó, quỹ tiền lương Công ty được hình thành từ chi phí nhân công, chi phí nhân công trong ca máy, chi phí chung trong các hồ sơ quyết toán khối lượng hoàn thành các mảng dịch vụ công ích và các công trình xây dựng cơ bản được chủ đầu tư phê duyệt và chấp thuận thanh toán.

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Chủ yếu là chi phí trích trước cho các hợp đồng xây dựng nghiệm thu theo từng giai đoạn.

**14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.555.666.904	1.009.227.988	68.980.500	(1.332.754.424)	1.301.120.968
<b>Cộng</b>	<b>1.555.666.904</b>	<b>1.009.227.988</b>	<b>68.980.500</b>	<b>(1.332.754.424)</b>	<b>1.301.120.968</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**15. Vốn chủ sở hữu****15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
1. Số dư đầu năm trước	36.000.000.000	2.218.800.685	-	38.218.800.685
2. Tăng trong năm trước	-	900.945.819	4.555.854.362	5.416.153.910
- Lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	4.555.854.362	4.555.854.362
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	900.945.819	-	900.945.819
3. Giảm trong năm trước	-	2.218.800.685	1.587.134.183	3.805.934.868
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	900.945.819	900.945.819
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	675.709.364	675.709.364
-Giảm khác	-	2.218.800.685	10.479.000	2.229.279.685
4. Số dư cuối năm trước	36.000.000.000	900.945.819	2.968.720.179	39.869.665.998
5. Số dư đầu năm nay	36.000.000.000	900.945.819	2.968.720.179	39.869.665.998
6. Tăng trong năm nay	-	927.795.651	5.493.706.985	6.421.502.636
- Lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	5.493.706.985	5.493.706.985
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	927.795.651	-	927.795.651
7. Giảm trong năm nay	-	-	4.863.823.639	4.863.823.639
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	927.795.651	927.795.651
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	1.009.227.988	1.009.227.988
- Chia cổ tức	-	-	2.926.800.000	2.926.800.000
Số dư cuối năm nay	36.000.000.000	1.828.741.470	3.598.603.525	41.427.344.995

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (Đại diện vốn góp của Nhà nước)	26.897.000.000	74,71	26.897.000.000	74,71
- Vốn góp của cán bộ CNV	3.066.000.000	8,52	3.066.000.000	8,52
- Vốn góp của các đối tượng khác	6.037.000.000	16,77	6.037.000.000	16,77
<b>Cộng</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100</b>

**Tình hình góp vốn điều lệ như sau:**

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	36.000.000.000	36.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>-</b>

**15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	36.000.000.000	36.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả	2.926.800.000	-

**15.4 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**15.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**15.6 Phân phối lợi nhuận**

Chỉ tiêu	Phân phối lợi nhuận năm 2016	Phân phối lợi nhuận năm 2015 <sup>(1)</sup>	Tổng cộng
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế	5.493.706.985	4.555.854.362	10.049.561.347
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.009.227.988)	(675.709.364)	(1.684.937.352)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	(927.795.651)	(900.945.819)	(1.828.741.470)
Chi trả cổ tức	(2.926.800.000)	-	-
Các khoản giảm lợi nhuận khác	-	(10.479.000)	(45.925.800)
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.521.236.546</b>	<b>2.968.720.179</b>	<b>6.489.956.725</b>

(1) Phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 27/04/2016.

**16. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	366.495.115	590.587.000
Nguồn kinh phí được cấp	-	-
Số khấu hao	(45.811.884)	(224.091.885)
<b>Số cuối năm</b>	<b>320.683.231</b>	<b>366.495.115</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT : VNĐ)****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	12 tháng năm 2016	11 tháng năm 2015
- Doanh thu thi công công trình	13.152.979.108	6.485.289.046
+ Công trình xây dựng cơ bản	4.630.470.709	5.944.773.682
+ Công trình chiếu sáng	7.943.666.346	319.879.272
+ Công trình cây xanh	226.542.165	168.817.910
+ Công trình khác	352.299.888	51.818.182
- Doanh thu dịch vụ công ích	42.544.440.116	41.436.164.791
+ Chiếu sáng công cộng	3.633.351.800	3.837.777.300
+ Công viên cây xanh	12.552.440.699	15.394.451.390
+ Duy tu cầu đường	4.917.750.817	3.581.727.636
+ Vệ sinh đô thị	21.440.896.800	18.622.208.465
- Doanh thu khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>55.697.419.224</b>	<b>47.921.453.837</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>12 tháng năm 2016</u>	<u>11 tháng năm 2015</u>
- Giá vốn thi công công trình	11.594.295.141	6.149.320.983
+ Công trình xây dựng cơ bản	4.185.597.067	5.652.522.326
+ Công trình chiếu sáng	6.969.532.052	284.490.772
+ Công trình cây xanh	117.737.292	121.979.632
+ Công trình khác	321.428.730	90.328.253
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	30.001.211.414	27.983.337.542
+ Chiếu sáng công cộng	2.427.219.604	3.053.803.040
+ Công viên cây xanh	9.139.511.637	11.228.015.747
+ Duy tu cầu đường	3.950.218.286	2.407.237.508
+ Vệ sinh đô thị	14.484.261.888	11.294.281.247
- Giá vốn các hoạt động khác	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>41.595.506.555</u></u>	<u><u>34.132.658.525</u></u>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Chủ yếu là lãi tiền gửi có kỳ hạn.

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>12 tháng năm 2016</u>	<u>11 tháng năm 2015</u>
Chi phí cho nhân viên	3.310.899.706	3.064.289.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	167.215.625	271.276.812
Thuế, phí và lệ phí	-	23.188.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	93.568.020	1.488.351.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.992.736	29.831.119
Các chi phí khác	3.936.131.368	3.222.186.679
<b>Cộng</b>	<u><u>7.541.807.455</u></u>	<u><u>8.099.124.101</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5. Lãi trên cổ phiếu****5.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	12 tháng năm 2016	11 tháng năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.493.706.985	4.515.208.091
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.009.227.988)	(675.709.364)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.484.478.997	3.880.144.998
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	3.600.000	3.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>1.246</b>	<b>1.078</b>

(\*) Được xác định bằng 15% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp và 1,5 tháng lương thực hiện của Ban điều hành. Đây là khoản tạm trích theo kế hoạch hoạt động 2016 được ĐHCĐ thông qua ngày 27/4/2016. Công ty sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2016.

**5.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	12 tháng năm 2016	11 tháng năm 2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.484.478.997	3.880.144.998
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.484.478.997	3.880.144.998
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	3.600.000	3.600.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>1.246</b>	<b>1.078</b>

**6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	12 tháng năm 2016	11 tháng năm 2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.700.960.783	13.091.894.067
- Chi phí nhân công	17.584.623.124	10.252.201.508
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.031.481.391	1.883.350.989
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	317.047.463	427.602.292
- Chi phí khác	5.961.393.794	8.477.609.669
<b>Cộng</b>	<b>41.595.506.555</b>	<b>34.132.658.525</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**2. Nợ tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

*Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)*

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	12 tháng năm 2016	11 tháng năm 2015
Lương	1.432.600.000	1.024.092.308
Thù lao	224.150.000	280.500.000
Cổ tức	256.176.300	-
<b>Cộng</b>	<b>1.912.926.300</b>	<b>1.304.592.308</b>

**4. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Thi công công trình.
- Dịch vụ công ích.

12 tháng năm 2016	Thi công công trình	Dịch vụ công ích	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.152.979.108	42.544.440.116	55.697.419.224
Giá vốn hàng bán	11.594.295.141	30.001.211.414	41.595.506.555
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.558.683.967</b>	<b>12.543.228.702</b>	<b>14.101.912.669</b>

11 tháng năm 2015	Thi công công trình	Dịch vụ công ích	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.485.289.046	41.436.164.791	47.921.453.837
Giá vốn hàng bán	6.149.320.983	27.983.337.542	34.132.658.525
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>335.968.063</b>	<b>13.452.827.249</b>	<b>13.788.795.312</b>

**Khu vực địa lý**

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5. Thông tin so sánh**

Số dư đầu năm của Công ty được trình bày lại theo Thông báo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2015 của Công ty do Kiểm toán nhà nước lập ngày 14 tháng 02 năm 2017.

Theo biên bản kiểm toán, số dư đầu năm của Công ty được trình bày lại như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
	<u>(1)</u>	<u>(2)</u>	<u>(3)</u>	<u>(2)+(3)</u>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
<b>Tài sản</b>				
- Phải thu ngắn hạn khác	136	138.908.053	33.397.000	172.305.053
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1.488.351.560)	18.713.604	(1.469.637.956)
<b>Nợ phải trả</b>				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.069.930.552	1.061.116.924	4.131.047.476
- Phải trả ngắn hạn khác	319	1.081.045.866	(1.049.652.591)	31.393.275
<b>Nguồn vốn</b>				
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.928.073.908	40.646.271	2.968.720.179
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8.151.234.705	(52.110.604)	8.099.124.101
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	5.666.655.071	52.110.604	5.718.765.675
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5.868.378.923	52.110.604	5.920.489.527
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.353.170.832	11.464.333	1.364.635.165
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.515.208.091	40.646.271	4.555.854.362
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.067	11	1.078
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.067	11	1.078

**6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo ý kiến của Ban Điều hành, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được lập trong Báo cáo sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng có bản chất bất thường nào trong giai đoạn từ cuối năm tài chính kết thúc cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2017.

Người lập biểu



**NGUYỄN NGỌC BÍCH TRÂM**

Kế toán trưởng



**TRẦN THỊ VÂN NGHI**

Tổng Giám đốc



**NGÔ TRUNG KIÊN**